TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
Số: **124**/2023/QĐST-HNGĐ	*Tây Hồ, ngày 19 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia Đ; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. ngày 30/12/2016 của Ủy bd thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tha gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Dh Hoàng Đ C, sinh năm 1988; ĐKHKTT: TDP G G, thị Trấn Đ Đ, huyện T Đ, tỉnh V P.

- **Chị Trần Thị T, sinh năm 1986;** ĐKHKTT: Xóm B A, xã T M, huyện Y D, tỉnh B G; Cư trú: Số ., ngách ., ngõ . D Dương, phường Y P, quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị T và dh Hoàng Đ C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2017 tại Ủy bd nhân dân xã Đ Đ, huyện T Đ, tỉnh V P, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Dh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng C sống hạnh p đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguy nhân do bất đồng trong qud điểm, lối sống và cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của dh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] **Về con C**: Dh, chị có 02 con C là Hoàng Nhật Đ, sinh ngày 03/7/2018 và Hoàng Nhật B, sinh ngày 22/7/2020.

Dh, chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con C. Dh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con C 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*)/tháng (mỗi con 2.000.000đồng/tháng), từ tháng 05 năm 2023 đến khi con C thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Dh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con C không ai được cản trở. Thỏa thuận của dh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đ xã hội nên được chấp nhận.

[3] **Về tài sản, nhà đất, công nợ C**: Dh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] **Về các vấn đề khác**: Không có.

[5].**Về lệ phí Tòa án**: Dh C tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm dh đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số . ngày 09/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về qud hệ hôn nhân**: Chị Trần Thị T và dh Hoàng Đ C thuận tình ly hôn.

- **Về con C**: Dh, chị có 02 con C là Hoàng Nhật Đ, sinh ngày 03/7/2018 và Hoàng Nhật B, sinh ngày 22/7/2020.

Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con C. Dh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con C 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)*/tháng (mỗi con 2.000.000đồng/tháng), từ tháng 05/2023 đến khi con C thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Dh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con C không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ C: Dh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Dh C tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: . ngày 09/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bd hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục p thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
-UBND xã Đ Đ, huyện T Đ,
Tỉnh V P (số 77);
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập - Tự do - Hạnh p

Số: ……../……/QĐST-HNGĐ[2]

……., ngày ….. tháng …. năm …….

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]……. Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gia Đ;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. ngày 30-12-2016 của Ủy bd Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tha gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qud:*[7].....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về qud hệ hôn nhân: .....

.....

- Về con C: .....

.....

- Về tài sản C: .....

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án: .....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bd hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục p thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ qud đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Na).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tơng ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia Đ.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia Đ.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ qud, tổ chức thì ghi tên cơ qud, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ qud, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].